

ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC

ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU • EUROPEAN STANDARD



ISO 9001:2015 • ISO 14001:2015

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE .J.S.C
MILL GROUP JOINT STOCK COMPANY



VG PIPE®

Mục lục

Content

Giới thiệu 03

Introduction

Hành trình phát triển / Progress journey	04-06
Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi	07
Vision, Mission & Core Values	
Hệ thống phân phối / Network distribution	08

Thành tựu 09

Achievements

Chứng nhận / Certificates	10
Giải thưởng / Awards	11

Công nghệ & sản xuất 12

Technology & Production

Dây chuyền công nghệ / Technology	13-15
Quy trình sản xuất / Production process	16-17
Sản phẩm / Products	18
Sản phẩm đặc biệt / Special products	19
Ứng dụng sản phẩm / Application	20-21

Tiêu chuẩn kỹ thuật 23

Technical standards

Ống thép đen & Ống thép mạ kẽm	24
Black steel pipe & Hot dipped galvanized steel pipe	
Ống thép tôn mạ kẽm / Pre-galvanized steel pipe	25
Ống thép tròn đen / Round black steel pipe	26-27
Ống thép vuông & chữ nhật	28-29
Square & rectangular hollow section steel pipe	
Ống thép mạ kẽm	30-31
Hot dipped galvanized steel pipe	

Dự án & Thông tin khác 32

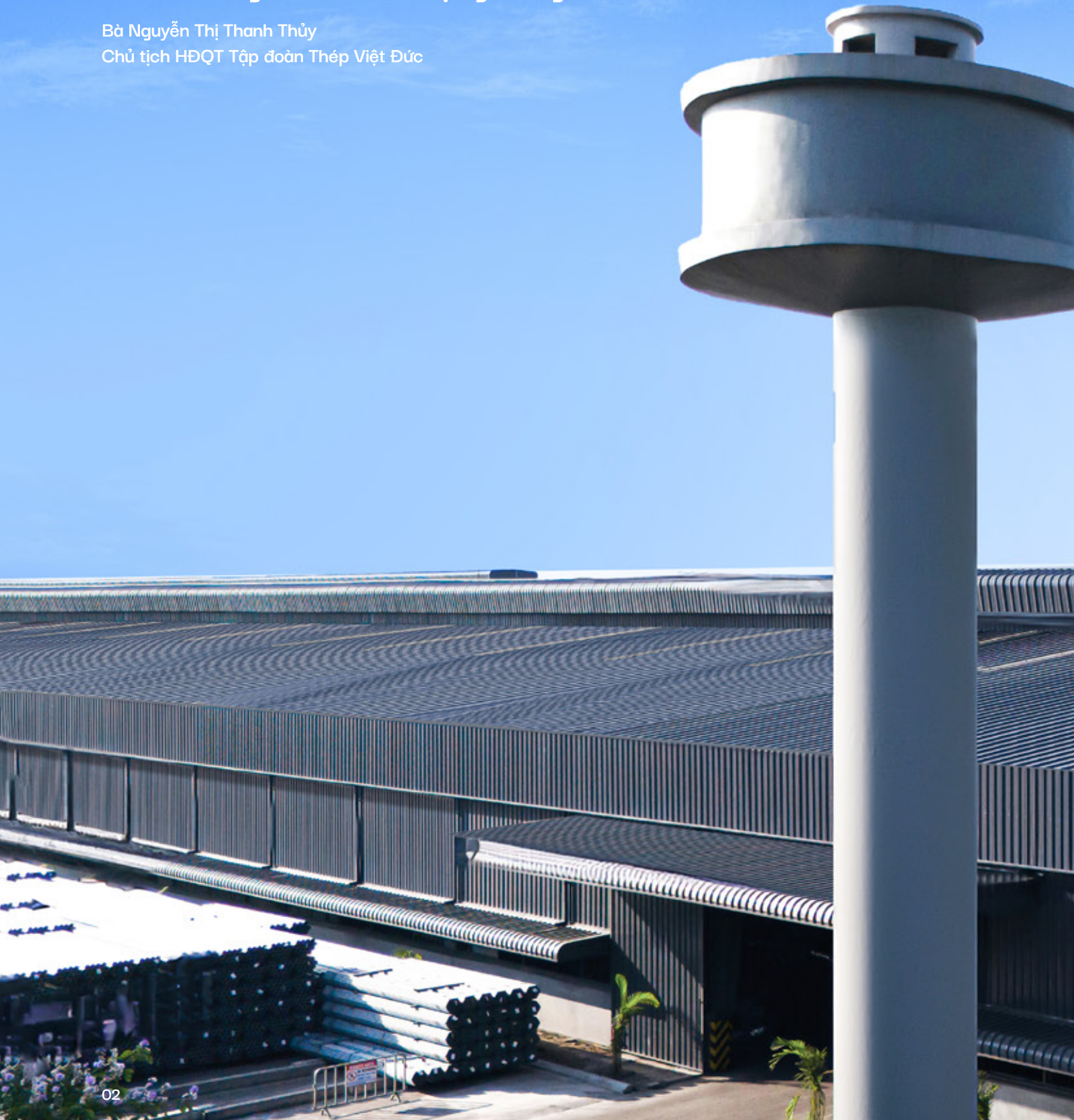
Projects & Other information

Dự án / Projects	33-35
Văn hóa doanh nghiệp / Business culture	36
Chia sẻ cộng đồng / Community sharing	37
Lĩnh vực khác / Other fields	38-41

“

Hành trình hơn hai thập kỷ xây dựng và phát triển, Thép Việt Đức không chỉ dừng lại ở việc cung cấp sản phẩm chất lượng mà còn hướng tới mục tiêu xa hơn là “Định Vững Tương Lai”. Trở thành một trong những tập đoàn đa ngành hàng đầu, góp phần xây dựng một Việt Nam giàu mạnh, tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng, đối tác và cộng đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Thép Việt Đức



Giới thiệu Introduction

VG PIPE-ISO 9001 : 2015

Hành trình phát triển Progress journey

2008

Trở thành công ty đại chúng với mã cổ phiếu VGS, niêm yết tại sàn chứng khoán HNX.

Became a public company with the stock symbol VGS, listed on the HNX (Hanoi Stock Exchange).

03-2013

Mở rộng dự án sản xuất Tôn mạ kẽm cùng dây chuyền ống.

Expanded the galvanized steel sheet production project along with the pipe production line.

03-2017

Xây dựng trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê tại Mê Linh, Hà Nội.

Constructed a commercial center and office rental building in Me Linh, Hanoi.

12-2002

Nhà máy ống Thép Việt Đức VGPIPE được thành lập.

The Viet Duc Steel Pipe Factory (VGPIPE) was established.

2010

Tháng 3/2010: Thành lập công ty cổ phần tập đoàn sản xuất Thép Việt Đức (VGS) - Sản xuất thép xây dựng.

Tháng 8/2010: Xây dựng tòa nhà VFB - Financial building tại Vĩnh Yên.

March 2010: Established Viet Duc Steel Manufacturing Group Joint Stock Company (VGS) - specializing in construction steel production.

August 2010: Constructed the VFB - Financial Building in Vĩnh Yên.

11-2016

Mở rộng nhà máy sản xuất Thép xây dựng, đánh dấu năng lực sản xuất của tập đoàn lên 1.300.000 tấn/năm.

Expanded the construction steel manufacturing plant, marking the group's production capacity at 1,300,000 tons per year.

08-2018

Triển khai công tác GPMB và hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến dự án Legend City.

Implemented site clearance and completed legal procedures for the Legend City project.

04-2024

Khởi công dự án Legend City Tổng diện tích hơn 62 ha, bao gồm 786 căn biệt thự liền kề và hơn 1.300 căn chung cư.

Groundbreaking of the Legend City Project. Total area of over 62 ha, including 786 townhouses and more than 1,300 apartments.

04-2025

Khởi công dự án Nhà ở xã hội Kira Home. Tổng diện tích 1.5ha bao gồm 2 khối nhà, 4 tòa 9 tầng 1 tum, diện tích linh hoạt từ 35 - 70m², cung cấp 352 căn hộ.

Construction begins on the Kira Home Social Housing Project. The total area of 1.5 hectares includes 2 building blocks, consisting of 4 towers with 9 floors and a penthouse level. Flexible apartment sizes range from 35 to 70 square meters, providing a total of 352 units.

12-2020

Thép Việt Đức đón nhận danh hiệu đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới do Chủ tịch nước trao tặng.

Viet Duc Steel was awarded the title of "Labor Hero in the Renovation Period" by the President of Vietnam.

2023

VGS thuộc TOP 4 doanh nghiệp sản xuất ống thép và thép xây dựng có thị phần lớn nhất Việt Nam.

VGS is ranked among the TOP 4 companies in Vietnam with the largest market share in steel pipe and construction steel production.

10-2024

Khách sạn Quốc tế Modena Vinh Yên by Fraser Hospitality đi vào hoạt động.

Tháng 12/2024: Khai trương rạp chiếu phim Beta Cinema - Rạp chiếu phim tiêu chuẩn duy nhất tại Vinh Phúc.

The Modena Vinh Yen International Hotel by Fraser Hospitality began operations.

December 2024: Grand Opening of Beta Cinema - The Only Standard Movie Theater in Vinh Phuc.

Thép Việt Đức - Định vững tương lai Vietnam Germany Steel For a steady future

Thành lập vào năm 2002, Thép Việt Đức khởi nguồn từ nhà máy sản xuất ống thép VG Pipe với diện tích gần 30 ha tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2008, Cổ phiếu của Thép Việt Đức chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là VGS, đánh dấu bước trưởng thành của một doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong ngành công nghiệp thép tại Việt Nam. Tới nay, Thép Việt Đức chuyển mình mạnh mẽ để trở thành tập đoàn phát triển đa ngành, gồm hai lĩnh vực hoạt động chính:

Hoạt động sản xuất thép: Thép Việt Đức tự hào cung cấp những sản phẩm chất lượng với 3 nhà máy sản xuất tương ứng với 3 công ty:

- Công ty cổ phần Tập đoàn sản xuất Thép Việt Đức - VGS chuyên sản xuất và cung ứng các sản phẩm thép dự án, thép dân dụng chất lượng cao phục vụ cho các công trình xây dựng dân dụng và dự án tại Việt Nam.
- Công ty cổ phần Ống Thép Việt Đức VG PIPE - VGP chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm ống thép hàn đen, ống mạ kẽm nhúng nóng và ống tôn mạ kẽm.
- Công ty cổ phần Thép Việt Đức - VDS chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm tôn cán nguội mặt đen và tôn cuộn mạ kẽm.

Hiện tại Thép Việt Đức đã trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất thép lớn nhất tại Việt Nam với tổng công suất 1.300.000 tấn/năm.

Bất động sản thương mại: Thép Việt Đức đánh dấu bước chuyển mình chiến lược với mục tiêu trở thành một tập đoàn đa ngành thông qua các dự án bất động sản như:

- Dự Án Việt Đức Legend City
- Khách sạn quốc tế Modena Vĩnh Yên
- Tòa nhà Tài chính Việt Đức

Established in 2002, Viet Duc Steel commenced operations with the VG Pipe manufacturing plant, encompassing nearly 30 hectares in the Binh Xuyen Industrial Park, Vinh Phuc province. In 2008, Viet Duc Steel's shares were officially listed on the Hanoi Stock Exchange under the ticker symbol VGS, marking a pivotal milestone for a private enterprise in Vietnam's steel industry. Today, Viet Duc Steel has transformed into a dynamic, diversified group with two primary business segments:

Steel manufacturing: Viet Duc Steel is proud to supply quality products with three manufacturing plants corresponding to three companies:

- Vietnam Germany Steel mill Group Joint stock company - VGS specializes in manufacturing and supplying high quality steel for civil construction work and projects in Vietnam.
- Vietnam Germany Steel Pipe Joint Stock Company VGPIPE - VGP specializes in manufacturing and supplying black welded steel pipes, hot-dip galvanized pipes and zinc plated steel pipes.
- Vietnam Germany Steel Joint Stock Company - VDS specializes in manufacturing and supplying products of cold-rolled black steel sheet and galvanized coils.

So far, Vietnam Germany Steel has become one of the largest steel manufacturers in Vietnam with a total capacity of 1.3 million tons/year.

Commercial real estate: Viet Duc Steel marks a strategic transformation with the goal of becoming a multi-industry group through real estate projects such as:

- Viet Duc Legend City Project
- Modena Vinh Yen International Hotel
- Viet Duc Finance Building

Tầm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi

Vision, Mission & Core Values

Tầm nhìn Vision

Tập đoàn Thép Việt Đức hướng đến mục tiêu trở thành tập đoàn đa ngành hàng đầu với cốt lõi là hoạt động sản xuất thép. Chúng tôi tạo lập nền tảng vững chắc cho cộng đồng, đối tác và đào tạo thế hệ tiếp nối thông qua những giá trị bền vững, lâu dài.

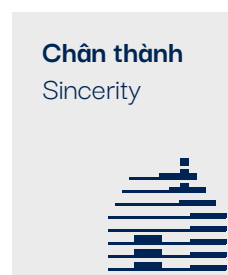
Viet Duc Steel Group aspires to become a leading diversified group with steel manufacturing as its cornerstone. We are dedicated to fostering a robust foundation for the community, partners, and future generations through enduring and sustainable values.

Sứ mệnh Mission

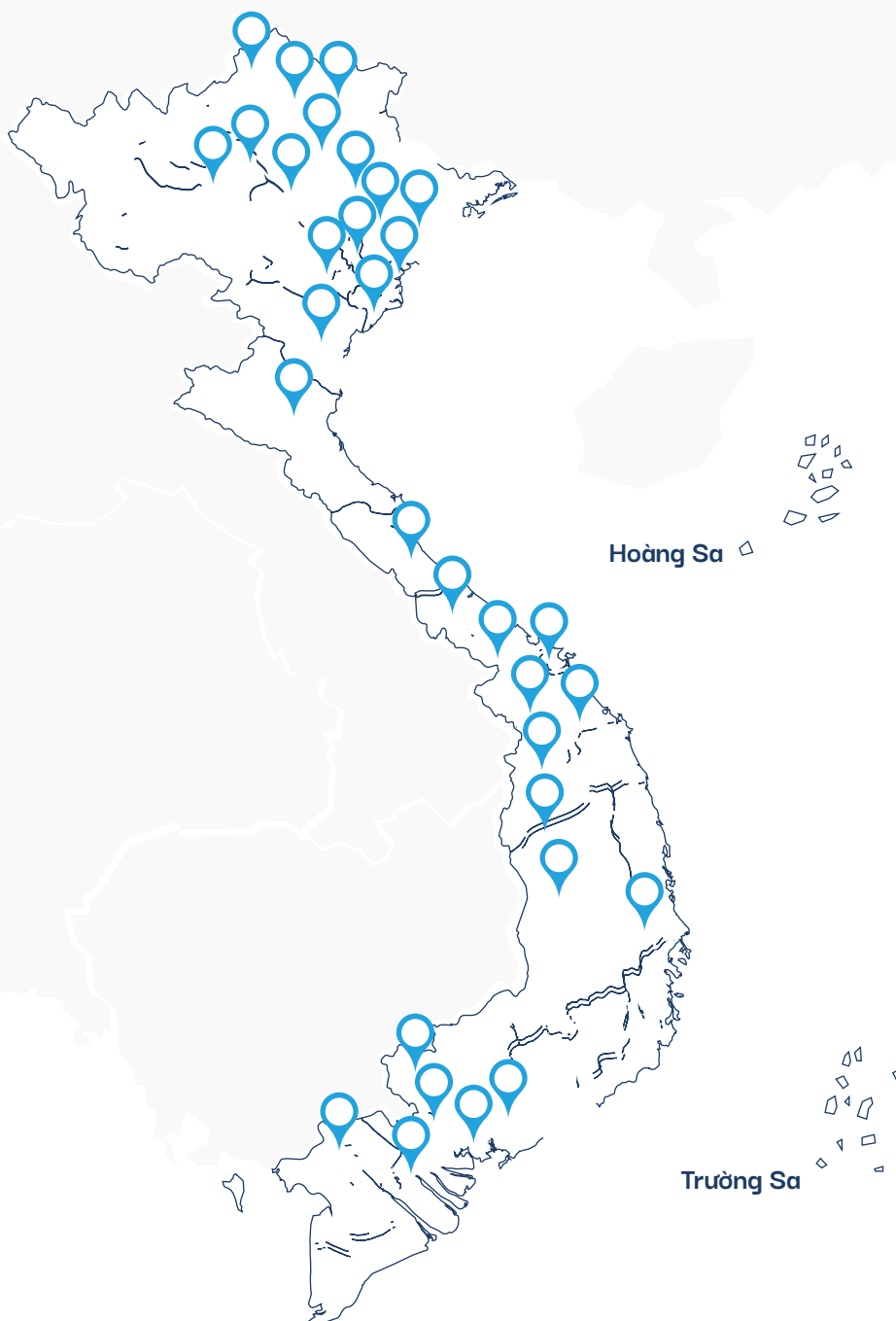
Tập đoàn Thép Việt Đức cam kết đồng hành với cộng đồng, đối tác và dẫn dắt thế hệ tiếp nối đạt được tương lai phát triển chung thông qua nỗ lực hoạt động đa ngành và tận tâm đóng góp vào các công trình Quốc Gia tiêu biểu với sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

Viet Duc Steel Group stands as a steadfast partner to the community and stakeholders, guiding future generations in shaping a prosperous future, through our diversified business endeavors and unwavering commitment to national key projects, with high-quality products and services.

Giá trị cốt lõi Core Values



Hệ thống phân phối Network distribution



Miền Bắc

Hà Nội
Hà Giang
Tuyên Quang
Bắc Kạn
Thái Nguyên
Quảng Ninh
Hải Phòng
Bắc Ninh
Bắc Giang
Vĩnh Phúc
Phú Thọ
Nam Định
Thái Bình
Hà Nam
Hải Dương

Miền Trung

Thanh Hóa
Nghệ An
Quảng Bình
Quảng Trị
Huế (Thừa Thiên Huế)
Đà Nẵng
Quảng Nam
Quảng Ngãi
Khánh Hòa

Miền Nam

Kon Tum
Gia Lai
Đắk Lắk
Tây Ninh
TP. Hồ Chí Minh
Long An
Cần Thơ
An Giang
Tiền Giang

Với hệ thống phân phối rộng khắp từ Bắc vào Nam, Ống thép Việt Đức tự tin đưa sản phẩm ống thép chất lượng cao đến tận tay người tiêu dùng trên mọi miền đất nước.

With a wide network distribution covered accross the coutry. VGPIPE is confidentcon in supplying our steel pipe products to our customer's hand natiowide.

Thành tựu Achievements





Giải thưởng Awards



Công nghệ & Sản xuất Technology & Productions



Dây chuyền công nghệ

Technology

EUROPEAN STANDARD



VGPIPE hiện đang sở hữu 26 dây chuyền sản xuất ống thép: 02 dây chuyền cán tôn và 03 dây chuyền tôn mạ kẽm.

Tất cả dây chuyền VGPIPE được nhập khẩu từ các nước phát triển với công nghệ tiên tiến nhất hiện nay.

Tổng công suất sản xuất của VGPIPE đạt 600,000 tấn/năm bao gồm các dòng sản phẩm.

VGPIPE is currently owning 26 steel pipe manufacturing lines, 02 cold rolled lines, 03 galvanized rolled coils lines.

All the lines are imported from developed countries with the most advanced technology.

The total production capacity of the company reaches 600,000 tons/a year, including the following product lines.



Ống thép tròn đen Black round pipes

Ống thép tròn đen được sản xuất theo tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387 - 1985, BS 10255 - 2004, ASTM A53. Đường kính ống từ 12.7mm đến 219.1mm, độ dày từ 0.7mm đến 8.18mm. Phù hợp tiêu chuẩn JIS G 3452:2010.

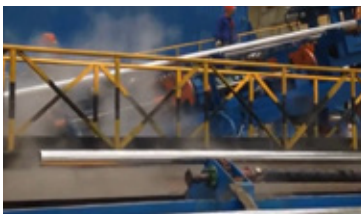


ERW black round pipes comply with BS 1387 - 1985, BS 10255 - 2004, ASTM A53 standards. Outside diameter range from 12.7mm to 219.1mm, wall thickness from 0.7mm up to 8.18mm. Compliant with JIS G 3452:2010.

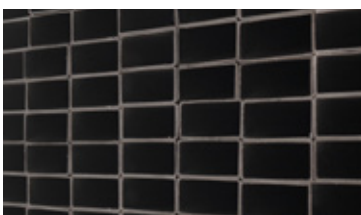


Ống thép mạ kẽm nhúng nóng Hot dipped galvanized steel pipes

Ống thép mạ kẽm nhúng nóng sản xuất theo tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387 - 1985, BS 10255 - 2004, ASTM A53. Đường kính ống từ 21.2mm đến 219.1mm, độ dày từ 1.6mm đến 8.18mm. Phù hợp tiêu chuẩn JIS G 3452:2010.



ERW hot dipped galvanized steel pipes comply with BS 1387 - 1985, BS 10255 - 2004, ASTM A53 standards. Pipe diameter range from 21.2mm to 219.1mm, wall thickness from 1.6mm up to 8.18mm. Compliant with JIS G 3452:2010.



Ống thép đen vuông và chữ nhật Black square and rectangular pipes

Ống thép đen vuông và chữ nhật sản xuất theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM A500. Ống vuông có kích thước từ 14mm x 14mm đến 150mm x 150mm. Ống hộp chữ nhật kích thước từ 13mm x 26mm đến 100mm x 150mm. phù hợp tiêu chuẩn JIS G 3466:2015.



ERW black square and rectangular hollow section comply with ASTM A500 standards. Dimension from 14mm x 14mm to 150mm x 150mm for square hollow section and from 13mm x 26mm to 100mm x 150mm for rectangular hollow section. Compliant with JIS G 3466:2015.



Tôn cuộn mạ kẽm ERW Galvanized rolled coils

Tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng sản xuất theo tiêu chuẩn JIS G3302:2010 có khổ rộng từ 350mm-750mm, độ dày từ 0.8mm - 3.5mm.

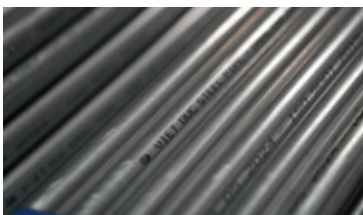
ERW Galvanized rolled coils comply with JIS G3320:2010 with from 350mm to 750mm, wall thickness from 0.8mm to -3.5mm.



Tôn cuộn cán nguội mặt đen ERW Cold rolled coils

Tôn cuộn cán nguội mặt đen sản xuất theo tiêu chuẩn GB 11253; JIS G 3141 có khổ rộng từ 350mm - 750mm, độ dày từ 0.8mm - 1.8mm.

ERW Cold rolled coils comply with GB 11253; JIS G 3141 width from 350mm to 750mm, wall thickness from 0.8mm to 1.8mm.



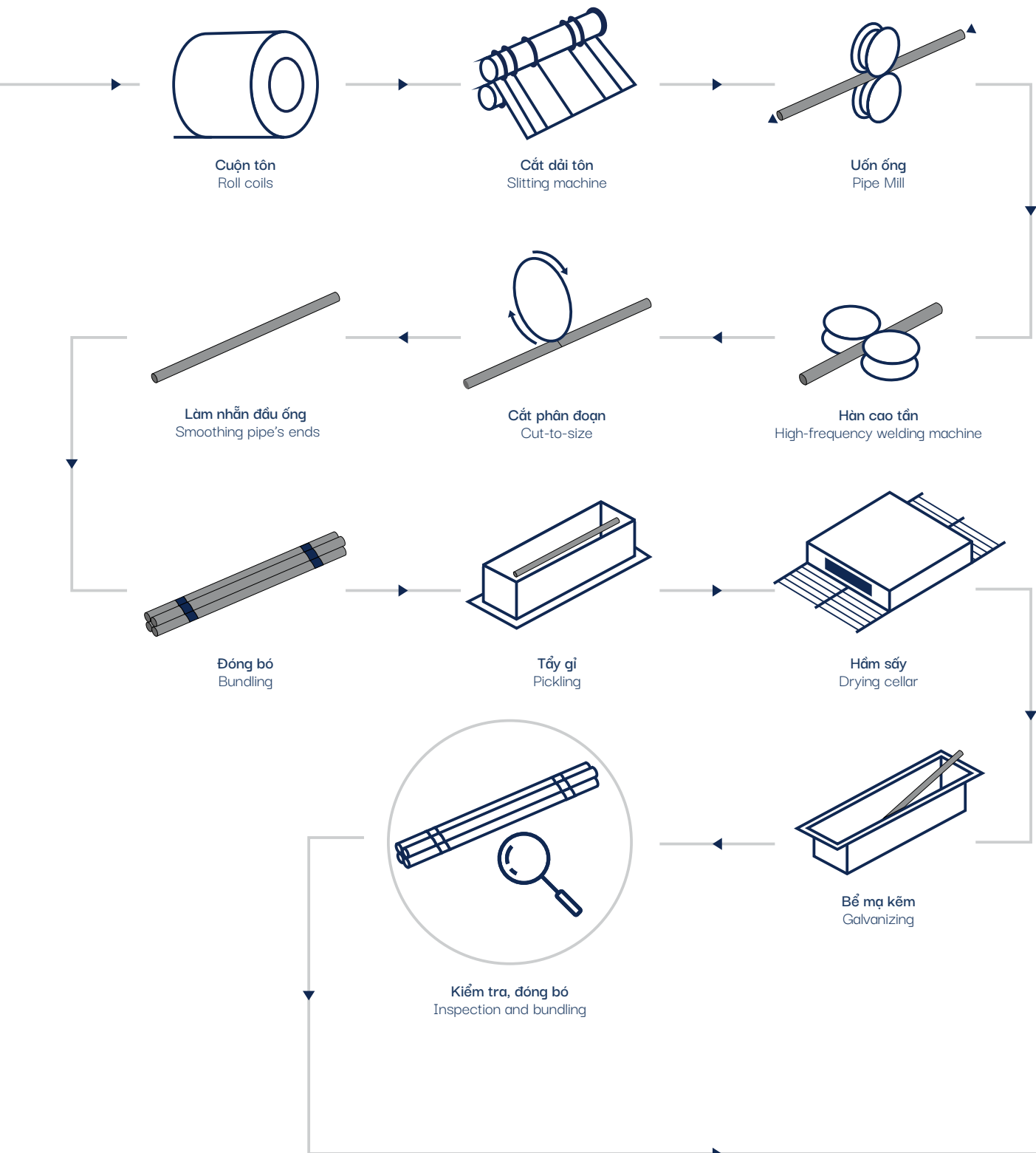
Ống tôn mạ kẽm ERW Zinc-coated steel pipes

Ống tôn mạ kẽm bao gồm ống tròn, ống vuông và ống hộp chữ nhật được sản xuất theo tiêu chuẩn ASTM A500 và BS 1387 - 1985. Đường kính đối với ống tròn từ 21.2mm đến 113.5mm, ống hộp vuông từ 14mm x 14mm đến 150 x 150mm, ống hộp chữ nhật từ 13mm x 26mm đến 100 x 150mm. Độ dày sản phẩm từ 0.9mm đến 3.5mm.

Galvanized steel pipes include round pipes, square pipes, and rectangular hollow sections, manufactured according to ASTM A500 and BS 1387 - 1985 standards. The diameter for round pipes ranges from 21.2mm to 113.5mm, square hollow sections range from 14mm x 14mm to 150mm x 150mm, and rectangular hollow sections range from 13mm x 26mm to 100mm x 150mm. The product thickness ranges from 0.9mm to 3.5mm.



Quy trình sản xuất Production Process

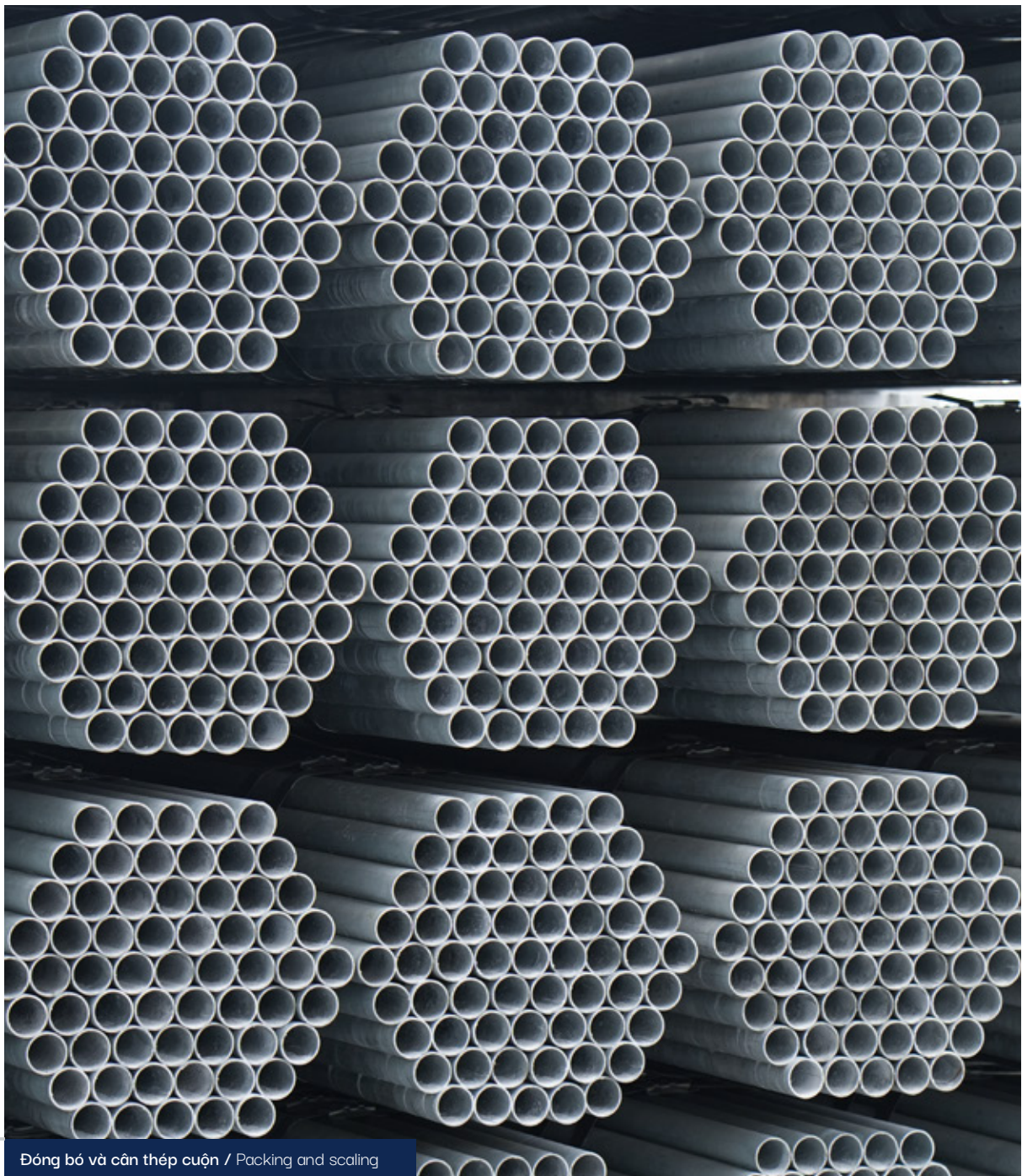


Quy trình sản xuất ống thép

Steel pipe production process

VGPIPE đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 nhằm mục đích cung cấp thép có chất lượng cao, ổn định thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, tuân theo các tiêu chuẩn Quốc gia và Quốc tế.

VGPIPES quality control built and operates using ISO 9001:2015 Quality control standard. Our goal are producing exceptional quality steel to meet customers demands within domestic and International markets.



Đóng bó và cân thép cuộn / Packing and scaling

Sản phẩm Products



Ống thép mạ kẽm nhúng nóng
Hot dip galvanized steel pipe



Ống thép đen vuông và chữ nhật
Black square and rectangular hollow section steel pipe



Tôn cuộn mạ kẽm
Galvanized Rolled Coils



Ống thép tròn tôn mạ kẽm
Zinc-coated round steel pipe



Ống thép tròn hàn đen
Black welded steel pipe



Ống thép vuông, chữ nhật tôn mạ kẽm
Zinc-coated square and rectangular hollow section steel pipe



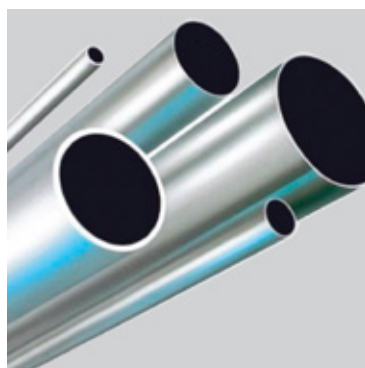
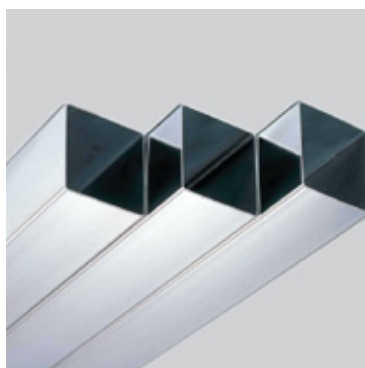
Tôn cuộn cán nguội mặt đen
Cold rolled coils

Sản phẩm đặc biệt

Special products



**Ống thép
hàn đen cỡ lớn**
Large-sized
black steel pipes



**Ống thép
mạ kẽm cỡ lớn**
Large-sized
galvanized
steel pipes

VGPIPE tự hào là đơn vị sản xuất được ống thép tròn và ống hộp có lớn đối với sản phẩm ống thép đen và ống kẽm nhúng nóng với độ dày lên tới 8.18mm.

Đường kính ống từ 141.3mm đến 219.1mm đối với ống thép tròn và 150 x 150mm, 100 x 150mm đối với ống thép hộp vuông và chữ nhật.

VGPIPE is proud to be able to manufacture big-sized round shape and box-tube shape for black pipes and hot-dip galvanized pipes with the thickness up to 8.18mm.

Pipes diameter range from 141.3mm to 219.1mm for round steel pipes; 150x150mm and 100x150mm for square box-tube pipes and rectangular box-tube pipes, respectively.

Ứng dụng sản phẩm Applications



Ứng dụng trong cầu đường / Applied in bridge



Ứng dụng hệ thống cấp thoát nước
Application in water supply system

Ống thép mạ kẽm nhúng nóng Hot-dip galvanized steel pipes

Sử dụng rộng rãi đối với ngành nước, ống dẫn, luồn cáp.

Applied for water apply, conduits, lay a cable.



Ứng dụng trong nội thất
Application in interior

Ống thép hàn đen Black round pipes

Sử dụng trong xây dựng cơ bản, làm giàn giáo, trong các ứng dụng cơ khí, rào chắn, nội thất, ô tô, xe máy.

Applied for basic construction, to put up scaffolding, using in mechanics, fences, interiors, cars, motorbike.

Ứng dụng sản phẩm Applications



Ứng dụng làm giàn không gian
Application in the space frame

Ống thép hộp vuông, chữ nhật Square and rectangular pipes

Ứng dụng trong xây dựng, cơ khí và các mục đích khác.

Used for construction, mechanical applications, and other purposes.



Ứng dụng làm rào chắn
Application in fencing

Ống tôn mạ kẽm Zinc-coated steel pipes

Ứng dụng làm rào chắn, xây dựng cơ khí.

Applied for fences, constructions and mechanics.



Ứng dụng phòng cháy & chữa cháy
Application in fire protection

Ống thép cỡ lớn Big steel pipe

Ứng dụng trong phòng cháy, chữa cháy.

Application in fire prevention and firefighting.

“

Với bề dày hoạt động trên 22 năm, những sản phẩm ống thép, tôn cuộn và thép xây dựng của Thép Việt Đức đã đặt nền móng vững bền cho những công trình trọng điểm Quốc gia, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam.

Bằng công nghệ và kỹ thuật sản xuất tiên tiến, Thép Việt Đức trở thành doanh nghiệp sản xuất và cung ứng sản phẩm ngành thép uy tín của các nhà thầu, chủ đầu tư và đơn vị thi công trên cả nước.

Tiêu chuẩn kỹ thuật²

Technical standards

Ống thép đen & Ống thép mạ kẽm

Black steel pipe & Hot dipped galvanised steel pipe

*Theo Tiêu chuẩn ASTM A53 / ASTM A53 Grade A

Dung sai đường kính ngoài / Tolerance of outside diameter: $\pm 1\%$
Dung sai về trọng lượng / Tolerance of weight: $\pm 10\%$
Dung sai chiều dày thành ống / Tolerance of wall thickness: $\pm 12.5\%$

Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Kích thước thông thường Normal size (inch)	Đường kính danh nghĩa DN designator (mm)	Độ dày thành ống Wall thickness (mm)	Trọng lượng Weight		Thử áp lực Test pressure		Số cây/bó Pieces/bundle (cây/bó)
				(kg/m)	(kg/cây 6m)	(at)	(kPa)	
21.3	1/2	15	2.77	1.27	7.62	48	4800	168
26.7	3/4	20	2.87	1.69	10.14	48	4800	113
33.4	1	25	3.38	2.50	15.00	48	4800	80
42.2	1 1/4	32	3.56	3.39	20.34	83	8300	61
48.3	1 1/2	40	3.68	4.05	24.3	83	8300	52
60.3	2	50	3.91	5.44	32.64	159	15900	37
73	2 1/2	65	5.16	8.63	51.78	172	17200	27
88.9	3	80	5.49	11.29	67.74	153	15300	24
101.6	3 1/2	90	3.18	7.72	46.32	77	7700	16
			3.96	9.53	57.18	67	6700	
			4.78	11.41	68.46	117	11700	
114.3	4	100	3.18	8.71	52.26	69	6900	16
			3.96	10.78	64.68	86	8600	
			4.78	12.91	77.46	103	10300	
			5.56	14.91	89.46	121	12100	
141.3	5	125	6.02	16.07	96.42	131	13100	10
			3.96	13.41	80.46	70	7000	
			4.78	16.09	96.54	84	8400	
			5.56	18.61	111.66	98	9800	
168.3	6	150	6.55	21.77	130.62	115	11500	10
			3.96	16.05	96.30	67	6700	
			4.78	19.27	115.62	70	7000	
			5.56	22.31	133.86	82	8200	
219.1	8	200	6.35	25.36	152.16	94	9400	7
			7.11	28.26	169.56	105	10500	
			3.96	21.01	126.06	49	4900	
			4.78	25.26	151.56	54	5400	
			5.16	27.22	163.32	59	5900	
			5.56	29.28	175.68	63	6300	
			6.35	33.31	199.86	72	7200	
			7.04	36.31	217.86	78	7800	
			7.92	41.24	247.44	90	9000	
			8.18	42.55	255.30	92	9200	

Ống thép tôn mạ kẽm

Pre-galvanized steel pipe

*Theo Tiêu chuẩn ASTM A500 & BS 1387 - 1985 / ASTM A500 & BS 1387 - 1985

Dung sai đường kính ngoài / Tolerance of outside diameter: $\pm 1\%$
 Dung sai về trọng lượng / Tolerance of weight: $\pm 8\%$
 Dung sai chiều dày thành ống / Tolerance of wall thickness: $\pm 8\%$ (BS 1387 - 1985)
 Dung sai chiều dày thành ống / Tolerance of wall thickness: $\pm 10\%$ (ASTM A500)
 Đơn vị tính: kg/cây / Unit: kg/pc

Kích thước Dimension (mm)		Số cây/bó Pcs/bundle	Chiều dày thành ống (mm) / Wall thickness												
			0.8	0.9	1.0	1.1	1.2	1.4	1.5	1.8	2.0	2.3	2.5	3.0	3.2
Φ	21.2	168			2.99	3.27	3.55	4.10	4.37	5.17					
Φ	26.65	113			3.80	4.16	4.52	5.23	5.58	6.62					
Φ	33.5	80			4.81	5.27	5.74	6.65	7.10	8.44					
Φ	42.2	61			6.10	6.69	7.28	8.45	9.03	10.76					
Φ	48.1	52			6.97	7.65	8.33	9.67	10.34	12.33					
Φ	59.9	37				9.57	10.42	12.12	12.96	15.47					
Φ	75.6	27						15.37	16.45	19.66	21.78				
Φ	88.3	24						18.00	19.27	23.04	25.54	29.27			
Φ	113.5	16								29.75	33.00	37.84			
□	13 x 26	105	2.79	3.12	3.45	3.77	4.08	4.70	5.00						
□	14 x 14	100	1.97	2.19	2.41	2.63	2.84	3.25	3.45						
□	16 x 16	100	2.27	2.53	2.79	3.04	3.29	3.78	4.01						
□	20 x 20	100	2.87	3.21	3.54	3.87	4.20	4.83	5.14	6.05	6.63				
□	20 x 40	72			5.43	5.94	6.46	7.47	7.97	9.44	10.40				
□	25 x 25	100	3.62	4.06	4.48	4.91	5.33	6.15	6.56	7.75	8.52	9.64	10.36		
□	25 x 50	72			6.84	7.50	8.15	9.45	10.09	11.98	13.23	15.05	16.25		
□	30 x 30	81			5.43	5.94	6.46	7.47	7.97	9.44	10.40	11.80	12.72		
□	30 x 60	50			8.25	9.05	9.85	11.43	12.21	14.53	16.05	18.30	19.78		
□	40 x 40	49			7.31	8.02	8.72	10.11	10.80	12.83	14.17	16.14	17.43		
□	40 x 80	32				12.16	13.24	15.38	16.45	19.61	21.70	24.80	26.85	31.88	33.86
□	50 x 50	36				10.09	10.98	12.74	13.62	16.22	17.94	20.47	22.14	26.23	27.83
□	50 x 100	18						19.34	20.69	24.70	27.36	31.30	33.91	40.36	42.90
□	60 x 60	25				12.16	13.24	15.38	16.45	19.61	21.70	24.80	26.85	31.88	33.86
□	60 x 120	18								29.79	33.01	37.80	40.98	48.83	51.94
□	75 x 75	16								24.70	27.36	31.30	33.91	40.36	42.90
□	90 x 90	16								29.79	33.01	37.80	40.98	48.83	51.94
□	100 x 100	16								33.18	36.78	42.14	45.69	54.49	57.97

Ống thép tròn đen

Round black steel pipe

*Theo Tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387 - 1985 / BS 1387 - 1985

Dung sai đường kính ngoài / Tolerance of outside diameter: $\pm 1\%$
 Dung sai về trọng lượng / Tolerance of weight: $\pm 8\%$
 Dung sai chiều dày thành ống / Tolerance of wall thickness: $\pm 8\%$
 Đơn vị tính: kg/cây / Unit: kg/pc

Đường kính Diameter (mm)		Số cây/bó Pcs/bundle	Độ dày thành ống (mm) / Wall thickness										
			1.0	1.1	1.2	1.4	1.5	1.8	2.0	2.2	2.3	2.5	
Ø	15.9	168	2.20	2.41	2.61								
Ø	19.1	168	2.68	2.93	3.18	3.67							
Ø	21.2	168	2.99	3.27	3.55	4.10	4.37	5.17	5.68	6.19	6.43	6.92	
Ø	22	168	3.11	3.40	3.69	4.27							
Ø	22.2	168	3.14	3.43	3.73	4.31							
Ø	25	113	3.55	3.89	4.23	4.89							
Ø	25.4	113	3.61	3.96	4.30	4.97							
Ø	26	113	3.70	4.05	4.40	5.10	5.44	6.45	7.10	7.75	8.07		
Ø	26.65	113	3.80	4.16	4.52	5.23	5.58	6.62	7.29	7.96	8.29	8.93	
Ø	33.5	80	4.81	5.27	5.74	6.65	7.10	8.44	9.32	10.19	10.62	11.47	
Ø	38.1	80	5.49	6.02	6.55	7.60	8.12	9.67	10.68	11.69	12.18	13.17	
Ø	42.2	61	6.10	6.69	7.28	8.45	9.03	10.76	11.90	13.02	13.58	14.69	
Ø	48.1	52	6.97	7.65	8.33	9.67	10.34	12.33	13.64	14.94	15.59	16.87	
Ø	50.3	52				10.13	10.83	12.92	14.29	15.66	16.34	17.68	
Ø	50.8	52				10.23	10.94	13.05	14.44	15.82	16.51	17.87	
Ø	59.9	37		9.57	10.42	12.12	12.96	15.47	17.13	18.78	19.60	21.23	
Ø	63.5	37			11.06	12.86	13.76	16.43	18.20	19.96	20.83	22.57	
Ø	75.6	27				15.37	16.45	19.66	21.78	23.89	24.95	27.04	
Ø	88.3	24				18.00	19.27	23.04	25.54	28.03	29.27	31.74	
Ø	101.6	16						26.58	29.48	32.36	33.79	36.66	
Ø	113.5	16						29.75	33.00	36.23	37.84	41.06	

Độ dày thành ống (mm) / Wall thickness													
	2.6	2.8	2.9	3.0	3.2	3.4	3.5	3.6	3.8	4.0	4.3	4.5	5.0
	7.16												
	9.25												
	11.89	12.72		13.54	14.35	15.14							
	13.66	14.63		15.58	16.53	17.46							
	15.23	16.32		17.40	18.47	19.52	20.04						
	17.50	18.77	19.40	20.02	21.26	22.49	23.10	23.70	24.91				
	18.35	19.68	20.34	21.00	22.30	23.60	24.24	24.88	26.15	27.40			
	18.54	19.89	20.55	21.22	22.54	23.85	24.50	25.14	26.43	27.70			
	22.04	23.66	24.46	25.26	26.85	28.42	29.21	29.99	31.54	33.09			
	23.43	25.15	26.00	26.86	28.55	30.24	31.07	31.91	33.57	35.22			
	28.08	30.16	31.20	32.23	34.28	36.32	37.34	38.35	40.37	42.38	45.37	47.34	52.23
	32.97	35.42	36.65	37.87	40.30	42.71	43.92	45.12	47.51	49.99	53.45	55.80	61.63
	38.09	40.93	42.35	43.77	46.59	49.40	50.81	52.20	54.99	57.77	61.91	64.66	71.47
	42.67	45.86	49.05	49.05	55.39	55.39	56.97	58.54	61.68	64.81	69.48	72.58	80.71

Ống thép vuông & chữ nhật

Square & rectangular hollow section steel pipe

*Theo Tiêu chuẩn Mỹ ASTM A500 / ASTM A500

Dung sai đường kính ngoài / Tolerance of outside diameter: $\pm 1\%$
 Dung sai về trọng lượng / Tolerance of weight: $\pm 8\%$
 Dung sai chiều dày thành ống / Tolerance of wall thickness: $\pm 8\%$ (BS 1387 - 1985)
 Dung sai chiều dày thành ống / Tolerance of wall thickness: $\pm 10\%$ (ASTM A500)
 Đơn vị tính: kg/cây (6m) / Unit: kg/pc (6m)

Đường kính Diameter (mm)		Số cây/bó Pcs/bundle	Độ dày thành ống (mm) / Wall thickness									
			1.0	1.1	1.2	1.4	1.5	1.8	2.0	2.2	2.3	
□	12 x 12	100	2.03	2.21	2.39	2.79						
□	14 x 14	100	2.41	2.63	2.84	3.25						
□	16 x 16	100	2.79	3.04	3.29	3.78	4.01					
□	20 x 20	100	3.54	3.87	4.2	4.83	5.14	6.05	6.63			
□	20 x 40	72	5.43	5.94	6.46	7.47	7.97	9.44				
□	25 x 25	100	4.48	4.91	5.33	6.15	6.56	7.75	8.52			
□	25 x 50	72	6.84	7.5	8.15	9.45	10.09	11.98	13.23	14.45	15.05	
□	25 x 75	48	9.19	10.09	10.98	12.75	13.62	16.22	17.94	19.63	20.47	
□	30 x 30	81	5.43	5.94	6.46	7.47	7.97	9.44	10.40			
□	38 x 38	49	6.93	7.6	8.27	9.58	10.23	12.15	13.41			
□	40 x 40	49	7.31	8.02	8.72	10.11	10.8	12.83	14.17	15.48	16.14	
□	40 x 60	40	9.19	10.09	10.98	12.75	13.62	16.22	17.94	19.63	20.47	
□	40 x 80	32	11.08	12.16	13.24	15.38	16.45	19.61	21.70	23.77	24.80	
□	40 x 100	18	12.96	14.23	15.50	18.02	19.27	23.01	25.47	27.92	29.14	
□	50 x 50	36	9.19	10.09	10.98	12.74	13.62	16.22	17.94	19.63	20.47	
□	50 x 100	18	13.9	15.27	16.63	19.34	20.69	24.70	27.36	29.99	31.30	
□	60 x 60	25		12.16	13.24	15.38	16.45	19.61	21.7	23.77	24.8	
□	60 x 120	18				23.3	24.93	29.79	33.01	36.21	37.8	
□	75 x 75	16				19.34	20.69	24.7	27.36	29.99	31.3	
□	90 x 90	16				23.30	24.93	29.79	33.01	36.21	37.8	
□	100 x 100	16						33.18	36.78	40.35	42.14	
□	100 x 150	12							46.2	50.72	52.97	
□	150 x 150	9							55.62	61.08	63.80	

Độ dày thành ống (mm) / Wall thickness												
	2.4	2.5	2.8	3.0	3.1	3.4	3.5	3.7	3.8	4.0	4.5	5.0
	15.65	16.25										
	21.31	22.14	24.6	26.23								
	16.78	17.43										
	21.31	22.14	24.6	26.23								
	25.83	26.85										
	30.35	31.56	35.15									
	21.31	22.14	24.6	26.23								
	32.61	33.91	37.79	40.36								
	25.83	26.85	29.88	31.88								
	39.39	40.98	45.7	48.83	50.39	55.04	56.58	59.64	61.17	64.21	71.72	79.13
	32.61	45.69	37.79	40.36	41.63	45.43	46.69	49.19	50.43	52.9	59.01	65.00
	39.39	57.46	45.7	48.83	50.39	55.04	56.58	59.64	61.17	64.21	71.72	79.13
	43.91	69.24	50.98	54.49	56.23	61.44	63.17	66.61	68.33	71.74	80.2	88.55
	52.22	888	64.17	68.62	70.83	77.46	79.66	84.04	86.23	90.58	101.4	112.1
	66.52	999	77.36	82.75	85.43	93.47	96.14	101.47	104.12	109.42	122.59	135.65

Ống thép mạ kẽm

Hot dipped galvanized steel pipe

*Theo Tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387 - 1985 / BS 1387 - 1985

Dung sai đường kính ngoài / Tolerance of outside diameter: $\pm 1\%$
 Dung sai về trọng lượng / Tolerance of weight: $\pm 8\%$
 Dung sai chiều dày thành ống / Tolerance of wall thickness: $\pm 8\%$

Đường kính ngoài Outside diameter (mm)		Đường kính danh nghĩa Nominal diameter		Chiều dài Length (mm)	Số cây/bó Pcs/bundle (6m)	Class BS - A1				
		inch	mm			Độ dày Wall thickness	Kg/m	Kg/cây Kg/pcs	Kg/bó Kg/bundle	
Ø	21.2	1/2"	15	6000	168	1.9	0.914	5.484	921	
Ø	26.65	3/4"	20	6000	113	2.1	1.284	7.704	871	
Ø	33.5	1"	25	6000	80	2.3	1.787	10.722	858	
Ø	42.2	1 - 1/4"	32	6000	61	2.3	2.260	13.560	827	
Ø	48.1	1 - 1/2"	40	6000	52	2.5	2.830	16.980	883	
Ø	59.9	2"	50	6000	37	2.6	3.693	22.158	820	
Ø	75.6	2 - 1/2"	65	6000	27	2.9	5.228	31.368	847	
Ø	88.3	3"	80	6000	24	2.9	6.138	36.828	884	
Ø	113.5	4"	100	6000	16	3.2	8.763	52.578	841	

	Class BS - LIGHT				Class BS - MEDIUM			
	Độ dày Wall thickness	Kg/m	Kg/cây Kg/pcs	Kg/bó Kg/bundle	Độ dày Wall thickness	Kg/m	Kg/cây Kg/pcs	Kg/bó Kg/bundle
	2.0	0.947	5.682	955	2.6	1.210	7.260	1220
	2.3	1.381	8.286	936	2.6	1.560	9.360	1058
	2.6	1.981	11.886	951	3.2	2.400	14.400	1157
	2.6	2.540	15.240	930	3.2	3.100	18.600	1135
	2.9	3.230	19.380	1008	3.2	3.570	21.420	1114
	2.9	4.080	24.480	906	3.6	5.030	30.180	1117
	3.2	5.710	34.260	925	3.6	6.430	38.580	1042
	3.2	6.720	40.320	968	4.0	8.370	50.220	1205
	3.6	9.570	58.500	936	4.5	12.200	73.200	1171

Dự án & Thông tin khác Projects & Other information



Dự án Projects



Đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông
Cat Linh - Ha Dong railway



Cầu Nhật Tân
Nhat Tan Bridge



Nhà máy Fulian Bắc Giang
Fulian Bac Giang Factory

Titan Hưng Yên
Hung Yen Titan



Dự án Projects



Tòa nhà Quốc hội
The National Assembly Building

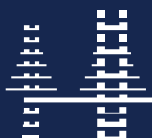


Nhà ga T2, sân bay Quốc tế Nội Bài
City Terminal T2, Noi Bai International Airport



Nhà máy SLP Bắc Ninh
SLP Bac Ninh Factory

Trung tâm Hội nghị Quốc gia
National Convention Center



Thép Việt Đức đã khẳng định được vị thế vững chắc trong ngành công nghiệp thép Việt Nam thông qua việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao cho nhiều công trình trọng điểm quốc gia và các dự án lớn.

Viet Duc Steel has firmly established its position in Vietnam's steel industry by supplying high-quality products for numerous key national projects and major developments.



Vinhomes Grand Park
Vinhomes Grand Park



BW Bắc Ninh
BW Bac Ninh



Lumi Hà Nội
Lumi Hanoi



Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng
Ha Noi- Hai Phong Highway



Time Square Đà Nẵng
Time Square Da Nang

Văn hóa doanh nghiệp

Business culture

Xây dựng môi trường làm việc hiệu quả chính là xây dựng một nền văn hóa doanh nghiệp thành công. Ý thức được điều đó, Thép Việt Đức luôn khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên sáng tạo để tìm ra những cách giúp làm việc nhanh hơn, hiệu quả hơn đồng thời hình thành những thói quen, lễ lối làm việc, phương cách ứng xử cùng hành vi văn minh, lịch sự.

Building an effective working environment means building a successful corporate culture. Aware of that, Vietnam Germany Steel always encourages its employees creativity to find way for faster and more effective work performance while forming civilized and polite habits, working manner and behaviors.

Thôi thúc lý tưởng
Urge ideal

Khơi gợi nhiệt tâm
Evoke enthusiasm

Lan tỏa sức mạnh
Spread strenght

Chung tay
phục vụ xã hội
Joint hand into
social contribution



Chia sẻ cộng đồng Community sharing



Thép Việt Đức luôn tâm niệm phát triển thương hiệu phải song hành cùng sự phát triển của cộng đồng xã hội. Trong những năm qua, Thép Việt Đức luôn tham gia đóng góp vào các hoạt động từ thiện thiết thực như: Ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung; ủng hộ Quỹ Vì người nghèo; xây nhà tình nghĩa; chăm sóc và phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng; tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương vào các dịp lễ Tết...

Bên cạnh đó, hàng năm các tổ chức đoàn thể Đảng bộ, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh Thép Việt Đức cũng tham gia tích cực vào các hoạt động phong trào của cấp trên và địa phương nhằm tạo sự đoàn kết, gắn kết giữa doanh nghiệp và chính quyền.

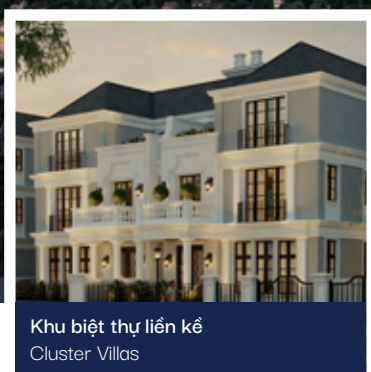
Thép Việt Đức - Vì một Việt Nam rạng ngời!

Vietnam Germany Steel always cares about developing its brand name in parallel with the development of social community. Over the past years, Vietnam Germany Steel has always contributed to the practical charitable activities such as making donations to the flood victims in the Central region; making donations to the Fund for the Poor, building charity houses; taking care and supporting Vietnamese heroic mothers, giving gifts to the local underprivileged families at holidays, Tet...

Furthermore, every year, mass organizations of ther Party Unit, Trade Union and Veterans Association of Vietnam Germany Steel also actively participate in the movement activities held at the higher and local levels aimed at creating solidarity and cohesion between the business and the governments.

Vietnam Germany Steel - For a bright Vietnam!

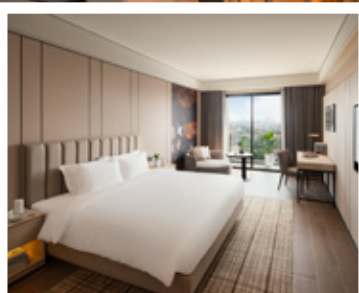
Đầu tư bất động sản Real estate investment



Khu đô thị Legend City Legend City urban area

Khu đô thị Legend City đánh dấu bước chuyển mình chiến lược của Tập đoàn Thép Việt Đức, với mục tiêu trở thành một tập đoàn đa ngành. Dự án Legend City được phát triển trên tổng diện tích 62.5 ha, bao gồm 786 căn biệt thự liền kề và hơn 1.300 căn chung cư. Dự án được quy hoạch thành khu đô thị tích hợp với mật độ cây xanh cao (12m²/người) và các tiện ích cao cấp như giáo dục, thương mại, y tế, văn hóa. Tọa lạc tại vị trí cửa ngõ giao thương chiến lược, Legend City được định hình là khu đô thị kiểu mẫu, nâng tầm chất lượng cuộc sống cư dân, và là bất động sản có giá trị bền vững, truyền đời, khẳng định tầm nhìn phát triển bền vững của Tập đoàn Thép Việt Đức.

Legend City marks Viet Duc Steel Group's strategic shift toward becoming a diversified conglomerate. Spanning 62.5 hectares, the project includes 786 villas and over 1,300 apartments, with abundant green space (12m²/person) and premium amenities in education, healthcare, commerce, and culture. Located at a strategic commercial gateway, Legend City is envisioned as a model urban area that enhances residents' quality of life and serves as a sustainable, generational asset – affirming the sustainable development vision of Viet Duc Steel Group.



Dịch vụ lưu trú
Accommodation services



Nhà hàng & Cafe Yên A
Yen A cafe & dining

Tổng thể dự án / Project Overview

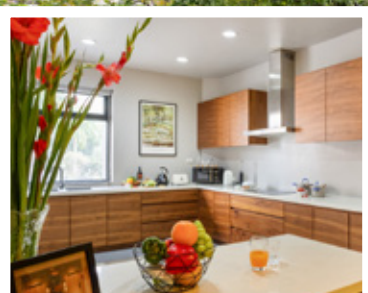
Khách sạn Modena by Fraser Vĩnh Yên

Modena hotel by
Fraser Vinh Yen

Khách sạn Quốc tế Modena Vĩnh Yên có quy mô gần 1 hecta, hướng tới tiêu chuẩn 5 sao với hai bể bơi ngoài trời và 88 căn hộ dịch vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế. Là biểu tượng của sự giao thoa giữa hiện đại và truyền thống, tổ hợp giải trí mới với đầy đủ dịch vụ lưu trú, cafe & dining và rạp chiếu phim, Modena không chỉ duy trì nhịp sống sôi động mà còn tôn vinh và bảo tồn nét đẹp văn hóa địa phương, tạo nên một không gian đầy màu sắc văn hóa và sáng tạo.

Modena International Hotel Vinh Yen spans nearly one hectare, aspiring to meet 5-star standards with two outdoor swimming pools and 88 internationally standardized serviced apartments. As a symbol of the fusion between modernity and tradition, this new entertainment complex offers a full range of services, including accommodations, café & dining, and a cinema. More than just maintaining a vibrant urban rhythm, Modena celebrates and preserves local cultural heritage, creating a dynamic and creative space rich in cultural expression.

Cho thuê văn phòng/căn hộ Office/apartment for rent



Bên trong căn hộ
Inside the apartment



Sảnh chờ 4 sao
4-star lobby



Tổng quan tòa nhà / Building overview

Tòa Nhà Tài Chính Việt Đức Viet Duc Financial Building

Tòa Nhà Tài Chính Việt Đức là biểu tượng kiến trúc hiện đại bậc nhất Vinh Phúc, cung cấp không gian cho thuê đẳng cấp phù hợp cho các tổ chức tài chính, ngân hàng, bảo hiểm như: Techcombank, Shinhan Bank, PVI, Dai-ichi Life, Getinsa S.L Tây Ban Nha,... Với chất lượng vượt trội và dịch vụ chuyên nghiệp, chúng tôi tự hào mang đến không gian sống và làm việc đẳng cấp.

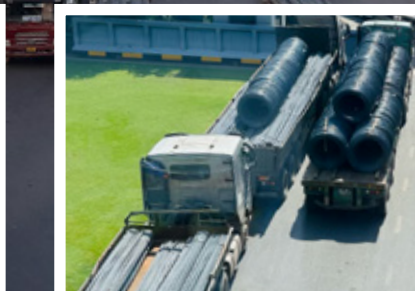
The Viet Duc Financial Building is a premier architectural landmark in Vinh Phuc, offering high-end rental spaces ideal for financial institutions, banks, and insurance companies such as Techcombank, Shinhan Bank, PVI, Dai-ichi Life, and Getinsa S.L Spain. With exceptional quality and professional services, we take pride in providing a world-class environment for both living and working.

Vận tải hàng hóa

Freight transportation



Xe tải
Truck



Chở hàng
Delivery

Xe tải Thép Việt Đức / Viet Duc Steel's trucks

Lĩnh vực vận tải

Transportation sector

Thép Việt Đức cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa với nhiều loại phương tiện như:

- Xe tải các loại – Chuyên chở thép cây, thép cuộn, ống thép...
- Xe container – Vận chuyển hàng hóa đi xa, đặc biệt là các đơn hàng xuất khẩu.
- Xe rơ-moóc – Chở hàng siêu trường, siêu trọng như thép tấm, thép cuộn.

Thép Việt Đức provides freight transportation services with various types of vehicles, including:

- Various types of trucks – Specializing in transporting rebar, tvsteel coils, and steel pipes.
- Container trucks – Used for long-distance transportation, especially export shipments.
- Semi-trailers (Rơ-moóc) – Carrying oversized and overweight loads such as steel plates and steel coils.

Trụ sở chính Head quarter

Địa chỉ: Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Address: Binh Xuyen Industrial Zone,
Vinh Phuc Province, Vietnam

Điện thoại / Tel: +84 (0211) 3593 596

Website: thepvietduc.com

Văn phòng đại diện Đà Nẵng Da Nang representative office

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Huyện Hòa Vang,
Thành phố Đà Nẵng

Address: 1A Road, Hoa Vang district, Da Nang

Điện thoại / Tel: +84 (0236) 3814 202

Văn phòng đại diện Hà Nội Hanoi representative office

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà SIMCO

Đường Phạm Hùng, Hà Nội

Address: 3rd floor, SIMCO Building
Pham Hung Street, Hanoi

Điện thoại / Tel: +84 (024) 3784 80

+84 (024) 3784 8006

Văn phòng đại diện miền Nam Southern representative office

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Address: 1A Road, Ben Luc District, Long An Province

Điện thoại / Tel: +84 (0272) 3644 199

+84 (0272) 3644 196



VISIT OUR WEBSITE